

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 5 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Nguyễn Văn Ngư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 19xx

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Khánh M, sinh năm 19xx

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2022 của nguyên đơn là ông Huỳnh Ngọc Đ và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn Huỳnh Ngọc Đ và bị đơn Ngô Thị Khánh M quen biết, tìm hiểu được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng dựa trên cơ sở tự nguyện vào năm 2005 nhưng đến năm 2007 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân ấp B, xã B1, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 2007. Thời gian đầu ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình bà M thay đổi, không quan tâm, chăm sóc gia đình, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông Đ nhận thấy cuộc sống của hai vợ chồng không còn hạnh phúc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 03 người con chung tên Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 09 tháng 10 năm 200X, Huỳnh Thị Ngọc Nh, sinh ngày 10 tháng 6 năm 200X và Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 29 tháng 6 năm 200X.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Khánh M.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện trước đây nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Ngọc Tr, (nữ) sinh ngày 09 tháng 10 năm 200X, Huỳnh Thị Ngọc Nh, (nữ) sinh ngày 10 tháng 6 năm 200X và Huỳnh Ngọc Q, (nam) sinh ngày 29 tháng 6 năm 200X và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là ông yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tr và cháu Q đến tuổi trưởng thành và ông đồng ý cho bà M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn bà Ngô Thị Khánh M: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc Đ tại Thông báo thụ lý vụ án số: 37/TB-TLVA, ngày 24 tháng 02 năm 2023 và đã tổng đạt hợp lệ cho bà Ngô Thị Khánh M, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà Ngô Thị Khánh M đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà. Nhưng bà M không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Đ và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà M cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện

Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là ông Huỳnh Ngọc Đ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn là bà Ngô Thị Khánh M vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Đ, về việc yêu cầu xin ly hôn với bà Ngô Thị Khánh M và yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Ngọc Tr, (nữ) sinh ngày 09 tháng 10 năm 200X, cháu Huỳnh Ngọc Q, (nam) sinh ngày 29 tháng 6 năm 200X đến tuổi trưởng thành và ông Đ đồng ý cho bà Minh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Ngọc Nh, (nữ) sinh ngày 10 tháng 6 năm 200X đến tuổi trưởng thành và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung và nợ chung ông Đ tự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 07 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn Huỳnh Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Ngô Thị Khánh M, sinh năm 19XX có địa chỉ tại ấp A, xã A1, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Ngô Thị Khánh M vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn Đ yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn M. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn M theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Đ trình bày, khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung là cháu Huỳnh Ngọc Tr, cháu Huỳnh Ngọc Q và cháu Huỳnh Thị Ngọc Nh, vì vậy nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, từ tháng 01 năm 2023 cháu Nh về sống với mẹ. Do đó, tại phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung cụ thể nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Tr, cháu Q và đồng ý cho bị đơn M trực tiếp nuôi cháu Nh và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà M kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã VB, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10 tháng 10 năm 2007, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà M là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”. Như vậy, ông Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Minh.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, ông Đ và bà M cũng có thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau từ năm 2005 đến tháng 8 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, tại phiên tòa ông Đ kiên quyết ly hôn với bà M. Như vậy, ông Đ và bà M đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông Đ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đ ly hôn với bà M.

[6] Về con chung: Ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc Tr, (nữ) sinh ngày 09 tháng 10 năm 200X, cháu Huỳnh Ngọc Q, (nam) sinh ngày 29 tháng 6 năm 200X cho đến khi cháu Tr và cháu Q đủ 18 tuổi và ông Đ đồng ý cho bà Minh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Ngọc Nh, sinh ngày 10 tháng 6 năm 200X cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ông Đ và bà Mi sống ly thân cho đến nay cháu Tr và

cháu Q đều do ông Đ trực tiếp chăm sóc, riêng cháu Nh từ khi ông Đ và bà M sống ly thân thì cháu Nh do ông Đ trực tiếp chăm sóc cho đến tháng 01 năm 2023 cháu Nh mới về sống cùng với mẹ. Tuy nhiên, cuộc sống của các cháu đang ổn định, tâm lý về mọi mặt được đảm bảo và cháu hiện tại cũng được ông Đ và bà M đều cho các cháu đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Tr và cháu Q thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha và cháu Nh có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*” chấp nhận yêu cầu của ông Đ giao cháu Tr và cháu Q cho ông Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr và cháu Q đủ 18 tuổi và giao cháu Nh cho bà M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Đáng lẽ ra, bà M là người không trực tiếp nuôi cháu Tr và cháu Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu Q, còn ông Đ không trực tiếp nuôi cháu Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nh nhưng tại phiên tòa ông Đ trình bày hiện tại ông có việc làm ổn định và thu nhập trên 5.000.000 đồng một tháng đủ để lo cho cháu Tr và cháu Q. Vì vậy, ông Đ không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu Q. Riêng bà M trong quá trình giải quyết vụ án bà M không có yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Nh. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: “*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*”. Như vậy, ông Đ là người không trực tiếp nuôi cháu Nh và bà M không trực tiếp nuôi cháu Tr và cháu Q nên ông bà đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Ngọc Đ tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Đ và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Về án phí sơ thẩm: Ông Đ là người xin ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 244, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Đ

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Huỳnh Ngọc Đ và bà Ngô Thị Khánh M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Huỳnh Ngọc Tr (nữ, sinh ngày 09 tháng 10 năm 200X và Huỳnh Ngọc Q (nam, sinh ngày 29 tháng 6 năm 200X) hiện đang sống chung với ông Đ cho ông Huỳnh Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr và cháu Q đủ 18 tuổi.

Giao con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Nh (nữ, sinh ngày 10 tháng 6 năm 200X hiện đang sống chung với bà M cho bà Ngô Thị Khánh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Ông Đ và bà M đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông bà thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Ngọc Đ tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005795 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Ông Đ nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt

hợp lệ, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành, TST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Viên Bình, H.Trần Đề, TST;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ

